

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16/9/2020.

*“V/v Ly hôn và tranh chấp về
nợ chung giữa bà P và ông N”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Tranh.

*Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Hòa
Ông Lê Văn Được.*

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 343/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp *“Ly hôn và tranh chấp về nợ chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐST-HN, ngày 21/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2020/QĐST - HNGĐ, ngày 07/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp L, xã H MT, huyện C N, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Đặng Văn N, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp L, xã HMT, huyện C N, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, Chức vụ Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội. Ông Dương Quyết T ủy quyền cho ông Lai Hữu T, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, làm người đại diện, Địa chỉ: Khóm Mỹ Cẩm A, thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Huỳnh Thị P vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Đặng Văn N vắng mặt lần thứ hai nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cầu Ngang đại diện theo ủy quyền ông Lai Hữu T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà P, xử cho bà P được ly hôn với ông N, về con chung Đặng Thị DT, sinh năm 1998 và Đặng Trường L, sinh năm 1999 đã thành niên bà P không yêu cầu nên không xem xét. Ngoài ra về tài sản chung do bà P không khởi kiện nên không xem xét giải quyết, về số nợ phải thu, phải trả bà P tự nguyện trả và phía ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch huyện Cầu Ngang không yêu cầu nên không xem xét, án phí bà P được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn ông Đặng Văn N đang sinh sống và làm việc trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn của bà Huỳnh Thị P khởi kiện xin ly hôn với ông Đặng Văn N và yêu cầu trả nợ chung nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nợ chung” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị P và ông Đặng Văn N xác lập quan hệ hôn nhân năm 1994 đến năm 2013 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các Điều 08 và Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của bà P và ông N là hợp pháp.

Xét thấy quá trình chung sống giữa bà P và ông N tuy chưa thống nhất nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, lối sống, về cách ứng xử giao tiếp thì ông bà phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh bà P và ông N đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không quan tâm đến cuộc sống gia đình làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tòa án đã hòa giải 02 lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông N không đến và không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, từ chối cung cấp lời khai và tại phiên tòa hôm nay ông N vắng mặt lần thứ hai, từ đó cho thấy việc hàn gắn đoàn tụ tình cảm vợ chồng là không có kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay bà P vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề ngày 17/7/2020 bà xin được ly hôn với ông N là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà P, xử cho bà P và ông N được ly hôn với nhau.

Về nuôi con: Đặng Thị DT, sinh năm 1998 và Đặng Trường L, sinh năm 1999 đã thành niên bà P không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án bà P không khởi kiện, không tranh chấp, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cầu Ngang đại diện theo ủy quyền ông Lai Hữu T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 05/8/2020 nội dung đơn thể hiện quá trình chung sống phía bà P và ông N có vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cầu Ngang số tiền là 25.000.000 đồng nay bà P và ông N ly hôn phía Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cầu Ngang chưa yêu cầu bà Huỳnh Thị P và ông N trả nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà P được miễn nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 01 Điều 12, Điều 14, 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Huỳnh Thị P và ông Đặng Văn N được ly hôn với nhau.

Về nuôi con tên: Đặng Thị DT, sinh năm 1998 và Đặng Trường L, sinh năm 1999 đã thành niên bà P không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà P không khởi kiện, không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cầu Ngang đại diện theo ủy quyền ông Lai Hữu T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị P thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào điểm đ khoản 01 Điều 12, Điều 14, 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà Huỳnh Thị P được miễn nộp tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã HMT,
- huyện C N, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu HSVA./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tranh